

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH số 82 - HĐBT ngày 6-5-1982 ban hành bảng danh mục các chức vụ và nghề nghiệp những người thuộc diện làm nghĩa vụ quân sự được miễn gọi nhập ngũ khi có lệnh động viên.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Luật nghĩa vụ quân sự ngày 30-12-1981;

Theo đề nghị của chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bảng danh mục các chức vụ và nghề nghiệp những người thuộc diện làm nghĩa vụ quân sự được miễn gọi nhập ngũ khi có lệnh động viên.

Điều 2. — Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, bộ trưởng Bộ Quốc phòng phối hợp hướng dẫn chi tiết việc thi hành nghị định này.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có trách nhiệm căn cứ các quy định trong bảng danh mục các chức vụ và nghề nghiệp những người thuộc diện làm nghĩa vụ quân sự được miễn gọi nhập ngũ khi

có lệnh động viên để xác định cụ thể các đối tượng được miễn gọi thuộc cơ quan, đơn vị mình và thông báo số lượng cho Bộ Quốc phòng và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 1982

T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

BẢNG DANH MỤC

các chức vụ và nghề nghiệp những người thuộc diện làm nghĩa vụ quân sự được miễn gọi nhập ngũ khi có lệnh động viên.

(ban hành kèm theo nghị định số 82-HĐBT ngày 6-5-1982 của Hội đồng bộ trưởng).

A. NHỮNG NGƯỜI ĐANG GIỮ CHỨC VỤ VÀ NGHỀ NGHIỆP TRONG CÁC NGÀNH SẢN XUẤT

I. VỀ CHỨC VỤ

— Giám đốc, phó giám đốc kỹ thuật của xí nghiệp, nông trường.

— Chủ nhiệm, phó chủ nhiệm kỹ thuật công ty, tổng công ty.

— Chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng kỹ thuật các công trường.

— Trưởng cửa hàng quốc doanh, công tư hợp doanh.

— Quản đốc phân xưởng, trưởng phòng kỹ thuật nghiệp vụ của xí nghiệp.

— Thuyền trưởng, máy trưởng các tàu cuốc, hút, trục vớt, tàu đi sông, đi biển.

— Chủ nhiệm, kế toán trưởng hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã ngư nghiệp, làm muối, hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp.

II. VỀ NGHỀ NGHIỆP

1. Ngành điện:

a) Công nhân kỹ thuật vận hành, sửa chữa lò, máy ở các nhà máy phát điện; vận hành, sửa chữa đường dây và trạm biến thế của các hệ thống cao thế và hạ thế của các cơ sở phân phối và chuyển tải điện.

b) Cán bộ kỹ thuật từ kỹ sư 1, cán sự 4 trở lên làm công tác quản lý và chỉ huy sản xuất ở các nhà máy, cơ sở phân phối và các công ty.

2. Ngành than:

a) Công nhân kỹ thuật khai thác và chế biến than.

b) Cán bộ kỹ thuật từ kỹ sư 1, cán sự 4 trở lên làm công tác quản lý và chỉ huy sản xuất ở các nhà máy, các công ty.

3. Ngành dầu mỏ, khí đốt:

Công nhân kỹ thuật khai thác dầu mỏ, khí đốt.

4. Ngành hóa chất:

Công nhân kỹ thuật công nghiệp hóa chất và phân bón, thuốc trừ sâu.

5. Ngành vật liệu xây dựng:

Công nhân kỹ thuật sản xuất xi măng.

6. Ngành nông nghiệp:

Công nhân kỹ thuật trồng chè, cà-phê, cao-su, cây có dầu.

7. Ngành lâm nghiệp:

Công nhân kỹ thuật khai thác các sản phẩm lâm nghiệp.

8. Ngành vận tải:

a) Công nhân kỹ thuật và cán bộ, nhân viên tàu đi biển, tàu cuốc, hút, trục vớt, gác đèn biển.

b) Lái và thợ máy ca-nô, thủy thủ các bến phà.

c) Công nhân bốc xếp ở các cảng biển.

d) Lái tàu, đốt lò, vận tải đường sắt.

đ) Công nhân kỹ thuật vận tải đường không.

9. Ngành cơ khí:

Cán bộ kỹ thuật và công nhân cơ khí sản xuất và sửa chữa phục vụ quốc phòng trong thời kỳ chiến tranh.

10. Ngành xây dựng:

Công nhân xây dựng các công trình trọng điểm của Nhà nước trong thời kỳ chiến tranh.

B. NHỮNG NGƯỜI ĐANG LÀM NHIỆM VỤ TRONG CÁC NGÀNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, Y TẾ - XÃ HỘI

I. VỀ CHỨC VỤ

1. Ngành nghiên cứu khoa học:

— Viện trưởng, phó viện trưởng các viện.

— Phân viện trưởng, phó phân viện trưởng các phân viện.

— Chủ nhiệm các ngành và bộ môn.

— Chủ nhiệm các chương trình, đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước.

2. Ngành giáo dục:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc giám đốc, phó giám đốc các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, sơ cấp nghiệp vụ, các trường phổ thông, các trường bổ túc văn hóa tập trung, các trường Đảng, trường hành chính của tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương. Cán bộ giảng dạy, giáo viên các trường trên theo tỷ lệ học sinh còn lại trong chiến tranh.

3. Ngành địa chất:

Đoàn trưởng, liên đoàn trưởng, phó liên đoàn trưởng các đoàn và liên đoàn địa chất.

4. Ngành khí tượng thủy văn:

— Trưởng đài khí tượng thủy văn của tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương.

— Trưởng đài cao không.

5. Ngành y tế — xã hội:

Bệnh viện trưởng, bệnh viện phó, chủ nhiệm khoa, trạm trưởng, trại trưởng của các tổ chức và cơ sở y tế — xã hội từ cấp huyện trở lên.

6. Ngành văn hóa nghệ thuật:

Do Bộ Văn hóa thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Quốc phòng trình Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

II. VỀ NGHỀ NGHIỆP

— Các đoàn địa chất công tác ở các vùng biên giới và Tây nguyên.

— Cán bộ, công nhân viên các trạm khí tượng thủy văn ở các hải đảo, vùng cao, ở các huyện biên giới, các trạm phát báo, các trạm thám không, các đoàn khảo sát, các trạm điện báo hàng không.

— Y sĩ xã ở các hải đảo và biên giới.

— Cán bộ và nhân viên y tế của các bệnh viện vùng biên giới.

— Trọng tài hạng A các môn thể thao.

— Huấn luyện viên các đội hạng A từ cấp tỉnh trở lên.

— Vận động viên thể dục thể thao của trung ương và địa phương cấp I và kiện tướng do Tổng cục Thể dục thể thao và chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương thống nhất với Bộ Quốc phòng.

C. NHỮNG NGƯỜI ĐANG LÀM NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG

I. VỀ CHỨC VỤ

1. Trưởng phòng, trưởng ban của các cơ quan quản lý Nhà nước ở trung ương và địa phương từ cấp huyện trở lên; chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp xã và cấp tương đương trở lên.

2. Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam từ cấp bộ đảng ở xã, phường, thị trấn trở lên.

3. Những người lãnh đạo chủ chốt của đoàn thể và tổ chức quần chúng từ cấp huyện trở lên; cán bộ chuyên trách thư ký công đoàn ở cơ quan, xí nghiệp.

II. VỀ NGHỀ NGHIỆP

1. Cán bộ, nhân viên hải quan thuộc các cửa khẩu trọng yếu.
2. Cán bộ, nhân viên mật mã.
3. Cán bộ, nhân viên kho bạc; vẽ, in giấy bạc thuộc ngành ngân hàng.
4. Công nhân, nhân viên quốc phòng.
5. Cán bộ chuyên trách công tác động viên ở các ngành, các cấp.

D. NHỮNG NGƯỜI ĐANG LÀM NHIỆM VỤ KHÁC Ở CÁC NGÀNH, CÁC CẤP

1. Công nhân kỹ thuật bậc 4 trở lên của các ngành sản xuất.
2. Cán bộ, nhân viên, công nhân kỹ thuật bậc 3 trở lên thuộc các dân tộc ít người đang công tác ở miền núi.
3. Năm mươi phần trăm (50%) cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý tốt nghiệp đại học, cao đẳng có bậc lương từ kỹ sư 2, cán sự 5 (hoặc tương đương) trở lên, tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp có lương bậc 4 trở lên: công nhân kỹ thuật và cán bộ ở các khâu phục vụ khác.

(Tỷ lệ phần trăm này là tỷ lệ phần trăm giữa số người được miễn gọi nhập ngũ so với số người thuộc diện nghĩa vụ quân sự của từng đơn vị.

Bảng danh mục các chức vụ và nghề nghiệp này không áp dụng đối với những người đã được xếp vào các đơn vị chuyên môn dự bị, những người được điều động vào quân đội phục vụ chiến đấu khi cần thiết.

T.M. Hội đồng bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỔ HỮU

NGHỊ QUYẾT số 99-HĐBT ngày 1-6-1982 về phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương, biện pháp lớn nhằm giải quyết vấn đề lương thực của cả nước trong thời gian tới.

I

Lương thực là một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược đối với sản xuất, xây dựng, chiến đấu và đời sống. Đây cũng là một vấn đề mà trước mắt chúng ta đang gặp khó khăn lớn, nhất là cân đối lương thực trong khu vực Nhà nước ở miền Bắc, đòi hỏi phải có những biện pháp tích cực nhất để giải quyết.

Chỉ thị số 120-CT/TU ngày 26-10-1981 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: «**đề chủ động trước mọi tình huống, phải có một sự chuyển biến sâu sắc, căn bản trong các ngành, các cấp, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm phấn đấu tự lực giải quyết vấn đề lương thực của cả nước bằng lực lượng trong nước, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất; tăng cường huy động nắm chắc tuyệt đại bộ phận lương thực hàng hóa trong tay Nhà nước; điều hòa lực lượng kịp thời giữa nơi thừa và nơi thiếu; quản lý chặt chẽ việc phân phối, tiêu dùng trên tinh thần triệt để tiết kiệm, trong phạm vi khả năng thực tế về sản xuất và huy động trong nước, nhất thiết không ỷ lại vào bên ngoài**».

Trong mấy năm qua, chúng ta đã ra sức phấn đấu theo hướng đó và thực tế đã rút dần được mức nhập khẩu lương thực từ gần 2 triệu tấn năm 1979, xuống còn trên nửa triệu tấn năm 1981.

Với tiềm năng to lớn của cả nước về lao động và đất đai, với ưu thế của một nước nông nghiệp nhiệt đới còn nhiều khả năng hiện thực về thâm canh tăng năng suất và